CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khoáng sản Miền Đông AHP

Ngày 30/09/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-3.8%**	**-1.0%**

DT thuần
Q3/25
207
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.00| 3.2%
YoY: ▲ 75.0| 57.2%

LN thuần
Q3/25
18.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.8| -36.5%
YoY: ▲ 5.30| 39.1%

LN sau thuế
Q3/25
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.60| -36.1%
YoY: ▲ 4.50| 41.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
12.3%
YoY: +/-▼ 5.9%

ROE (TTM)
Q3/25
5.1%
YoY: +/-▲ 0.3%

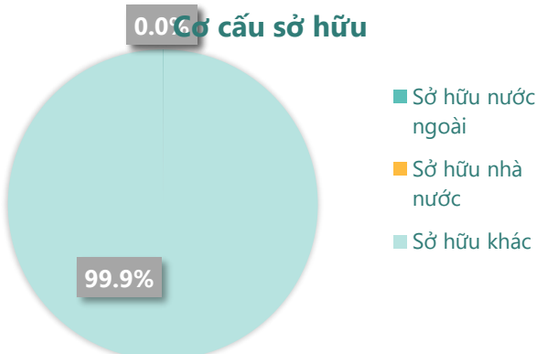
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,000 - 13,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,050
Số lượng CPLH (CP)	104,999,978
KLGD BQ 20 phiên (CP)	610
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.33
EPS	602
P/E	16.6

DT thuần
9T 2025
524
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 217| 70.9%

LN thuần
9T 2025
63.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.4| 37.7%

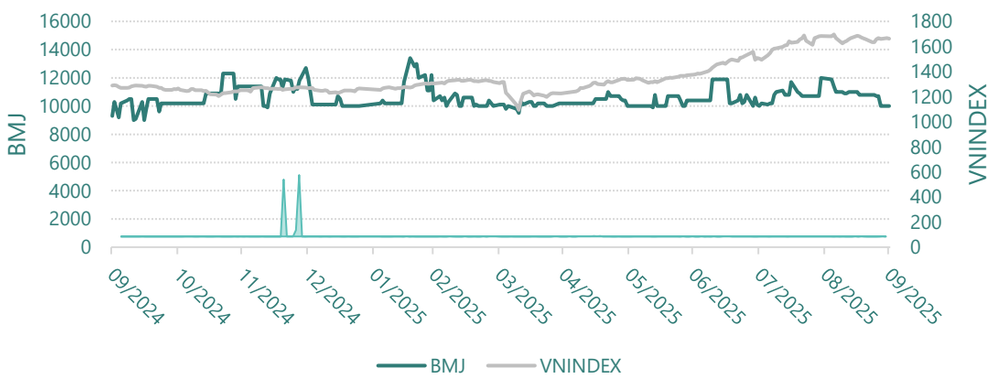
LN sau thuế
9T 2025
51.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.6| 39.7%

Cơ cấu sở hữu

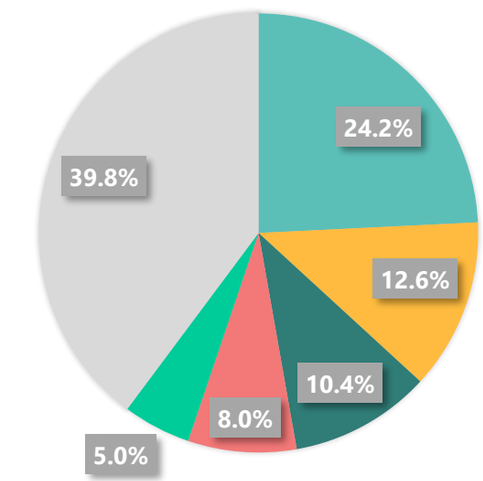


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



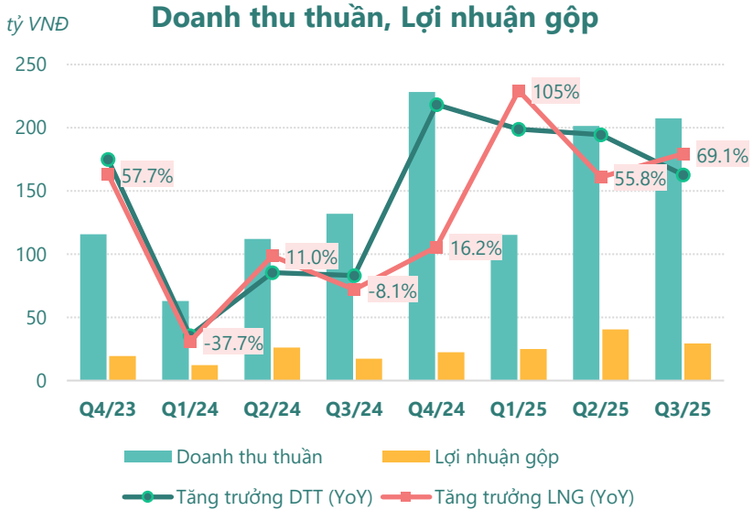
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

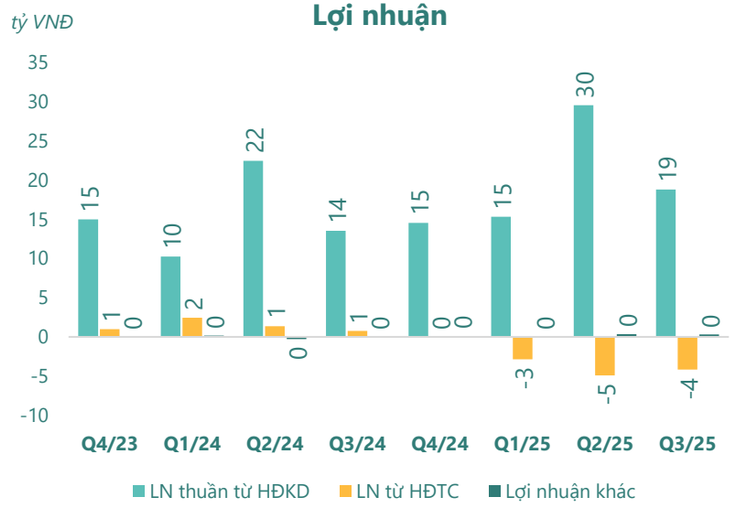
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



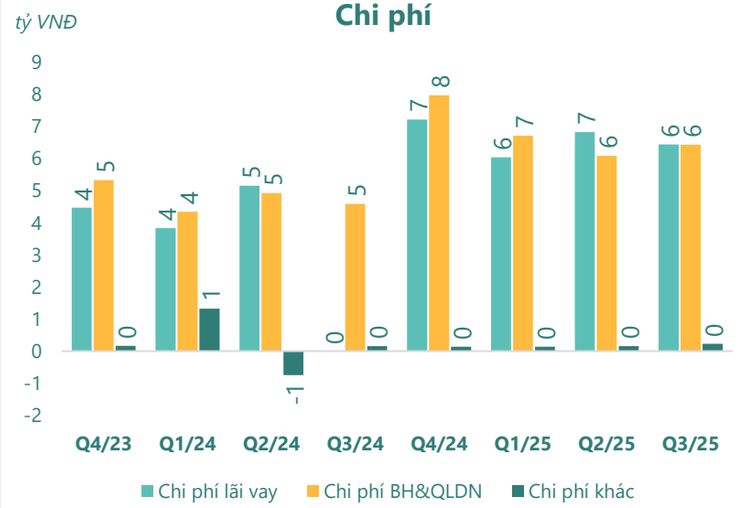
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



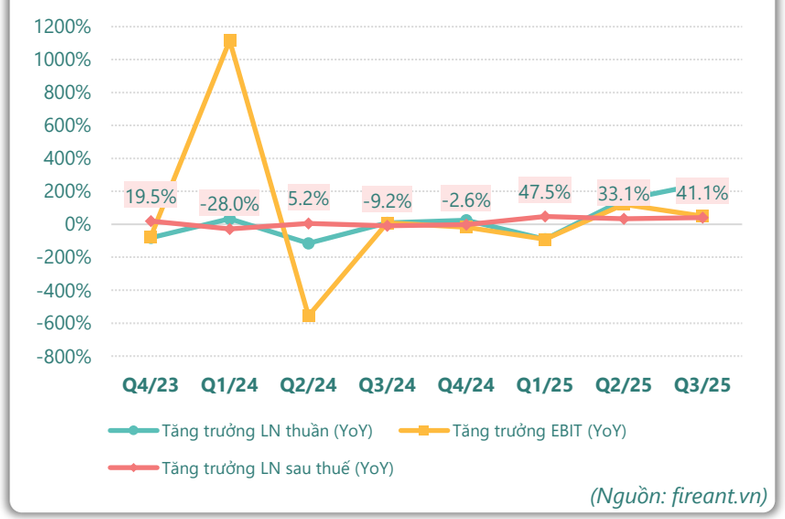
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



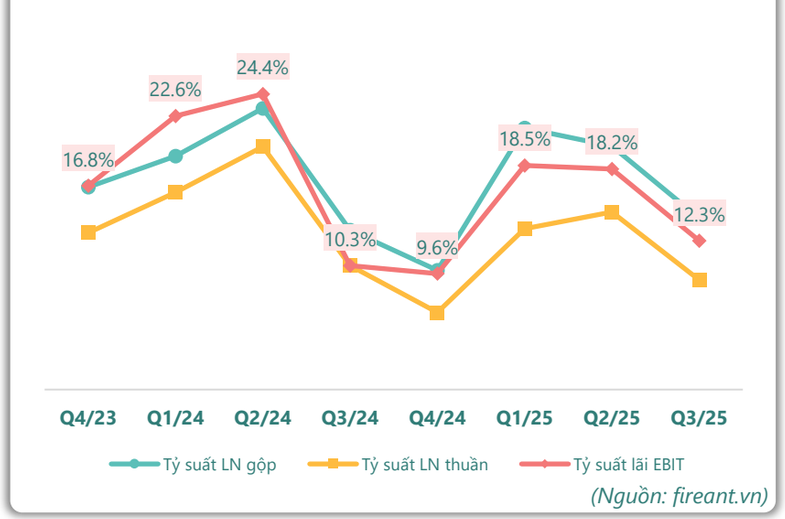
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



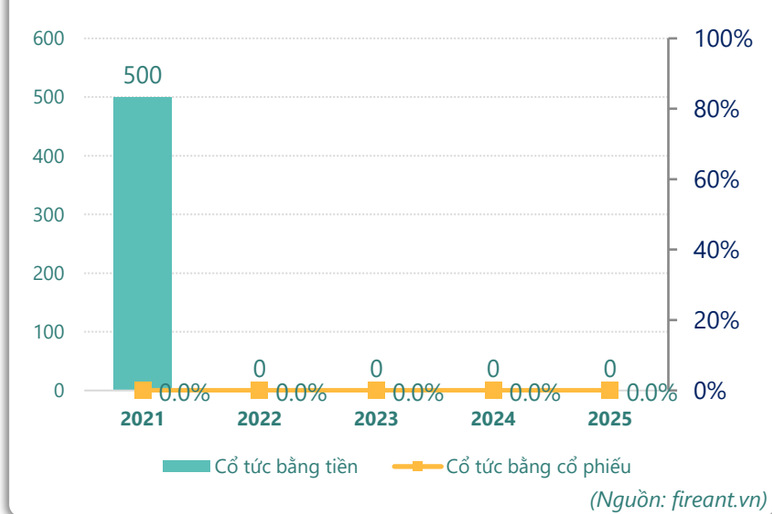
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

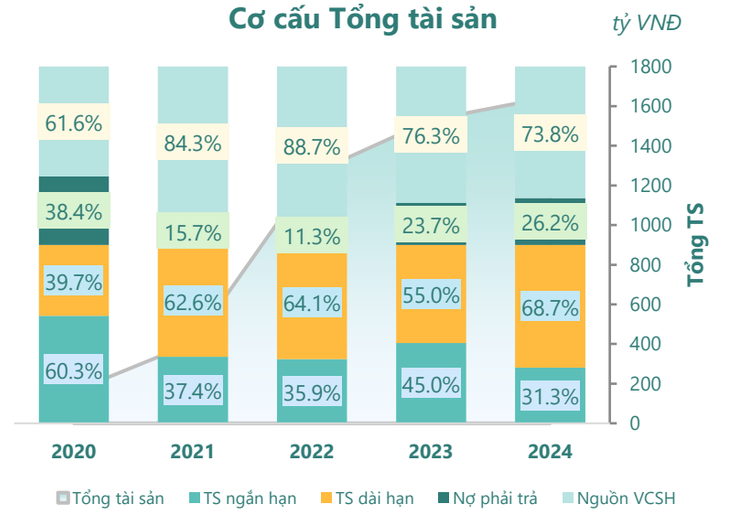
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

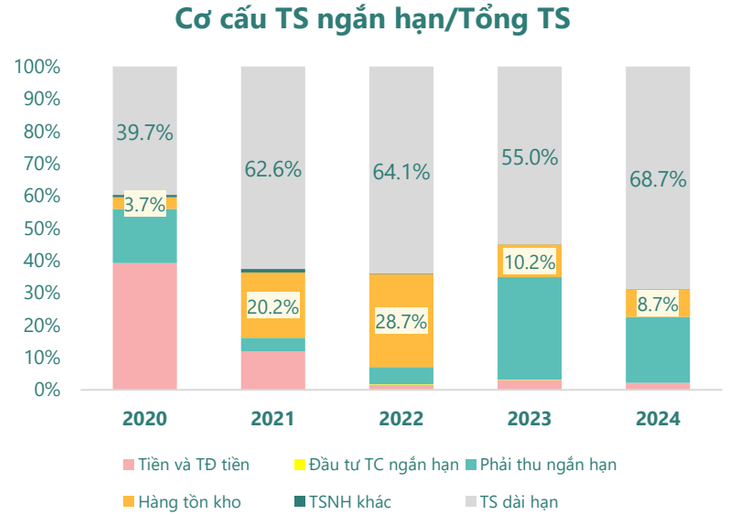
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



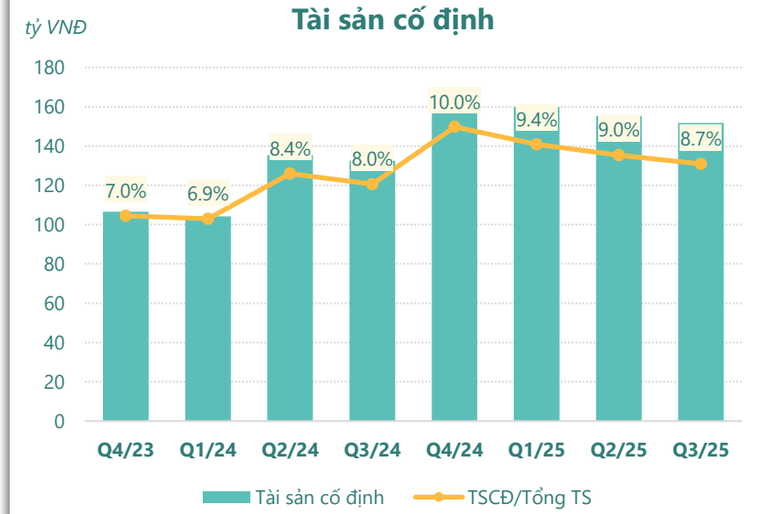
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



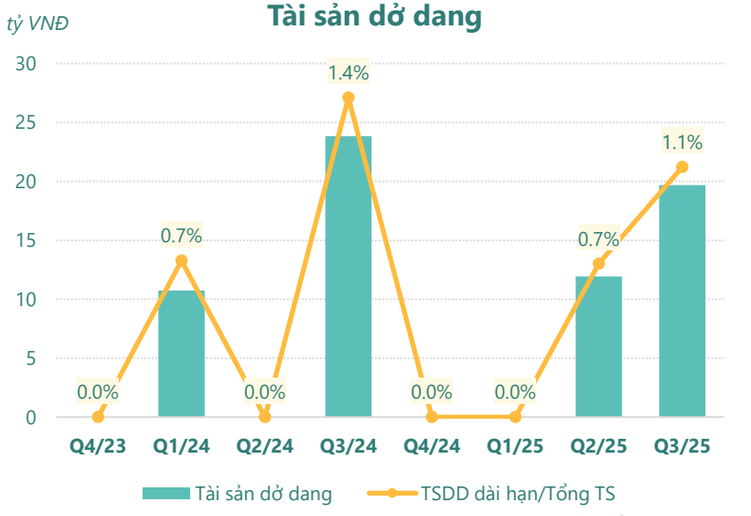
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



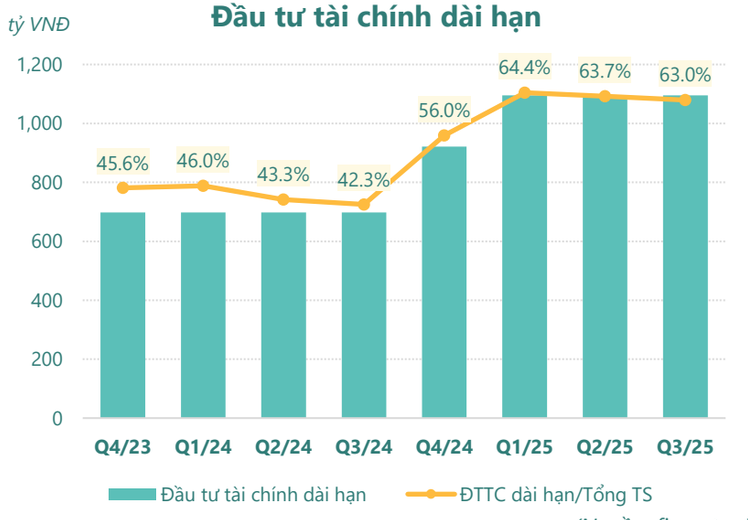
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



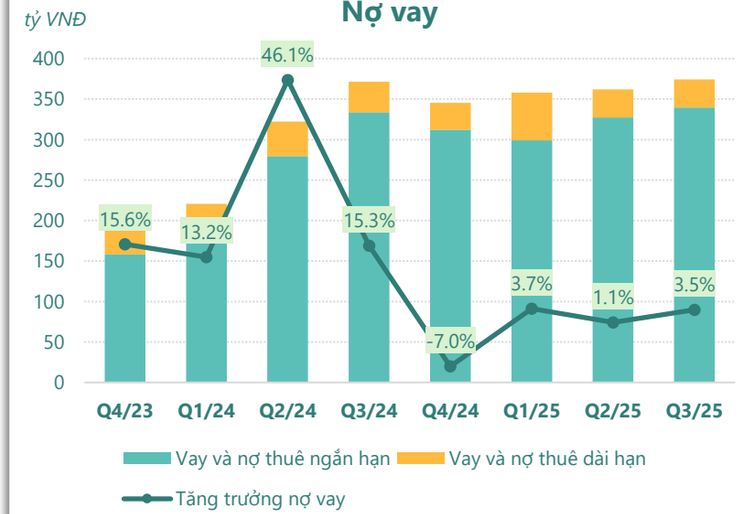
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

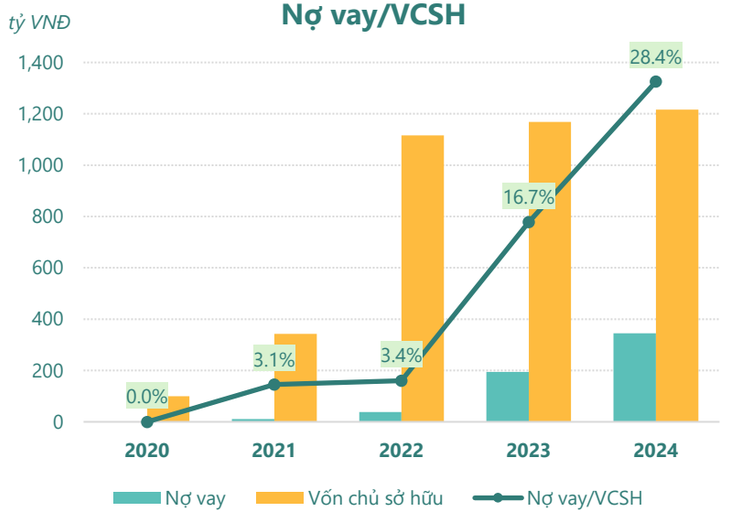
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

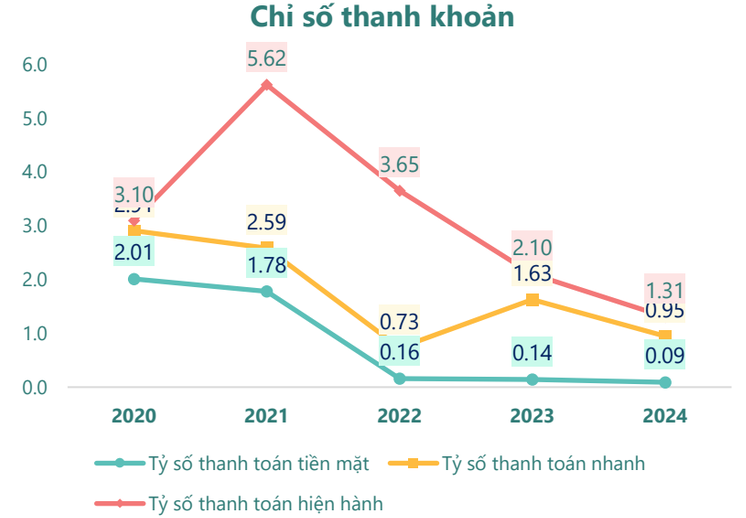
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



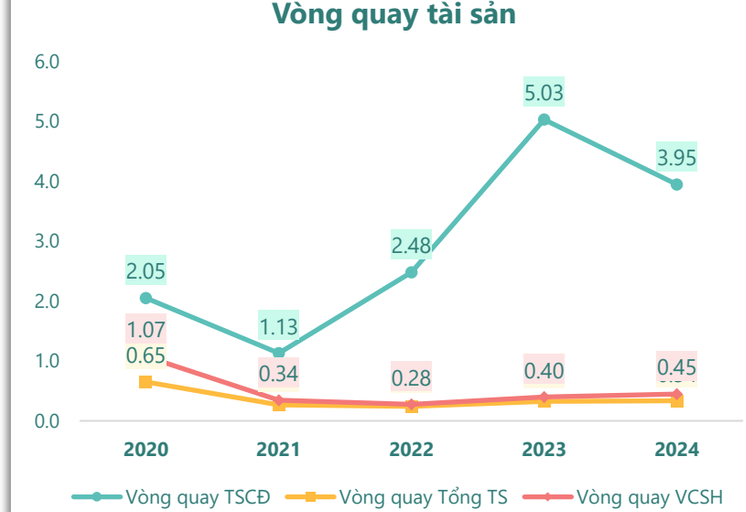
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



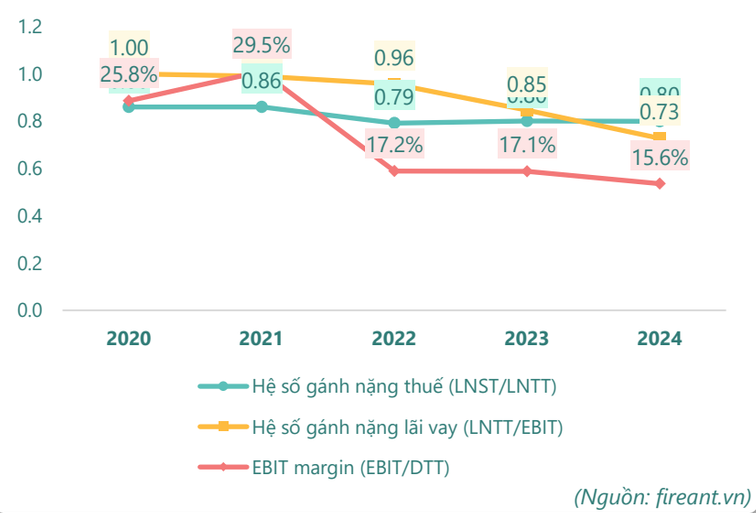
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



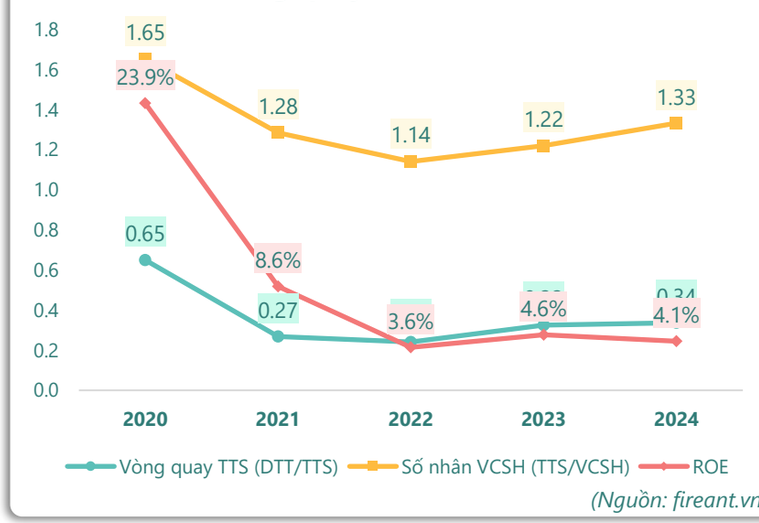
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



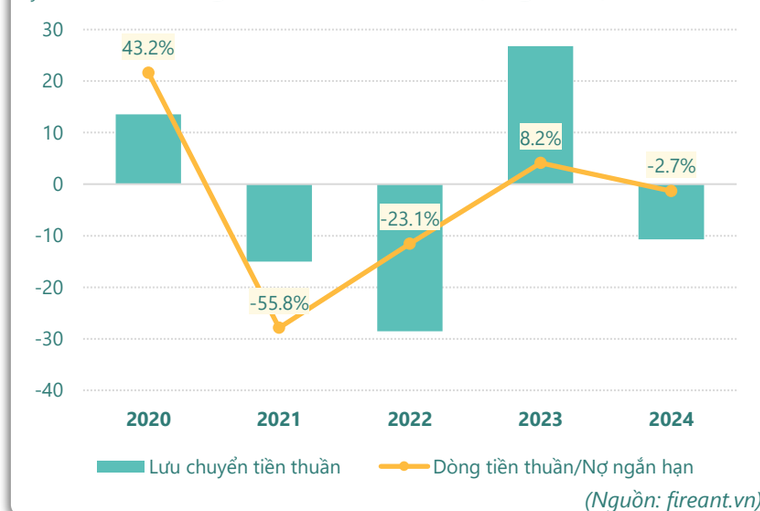
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**207**	**132**	**57.2%**	**524**	**307**	**70.9%**
Giá vốn hàng bán	178	115	54.9%	429	251	70.9%
Lợi nhuận gộp	29.4	17.4	69.0%	94.9	55.6	70.8%
Doanh thu HĐTC	2.27	7.31	-69.0%	7.37	20.1	-63.4%
Chi phí TC	6.45	6.57	-1.9%	19.3	15.6	24.1%
Chi phí lãi vay	6.45	0.00		19.3	9.00	115%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.78	1.68	65.8%	9.02	5.77	56.4%
Chi phí QLDN	**3.65**	**2.92**	**25.0%**	**10.2**	**8.11**	**26.1%**
LN thuần từ HĐKD	18.8	13.5	39.1%	63.7	46.3	37.7%
Lợi nhuận khác	**0.30**	**0.00**		**0.65**	**-0.13**	**605%**
LN trước thuế	19.1	13.5	41.4%	64.3	46.1	39.5%
Lợi nhuận sau thuế	**15.3**	**10.8**	**41.4%**	**51.5**	**36.9**	**39.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.3**	**10.8**	**41.4%**	**51.5**	**36.9**	**39.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-32.3	-42.2	31.6	72.6	18.7	-11.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.60	94.0	-143	51.3	-118	-38.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	77.4	49.3	-26.1	-17.7	3.96	12.5
Tiền đầu kỳ	20.7	72.4	174	35.7	142	46.8
Lưu chuyển tiền thuần	**51.7**	**101**	**-138**	**106**	**-95.2**	**-36.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	72.4	174	35.7	142	46.8	10.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,740**	**1,647**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	416	515	-19.1%
Tiền và tương đương tiền	10.0	35.7	-71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	254	335	-24.3%
Hàng tồn kho	149	143	4.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.04	1.47	107%
Tài sản dài hạn	**1,323**	**1,132**	**16.9%**
Phải thu dài hạn	14.2	6.34	123%
Tài sản cố định	152	164	-7.7%
Bất động sản đầu tư	8.67	8.67	0.0%
Tài sản dở dang	19.7	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1,096	922	18.9%
Tài sản dài hạn khác	**33.7**	**31.0**	**8.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	473	431	9.8%
Nợ ngắn hạn	**434**	**393**	**10.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	340	312	8.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.4	41.8	-41.6%
Nợ dài hạn	38.9	37.2	4.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.8	33.3	4.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,267**	**1,216**	**4.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,267**	**1,216**	**4.2%**
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)